

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~795~~ /GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm sơ sinh thuộc Bệnh viện phụ sản tại số 19 Trần Quang Khải, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng tại số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 558/CV-BVPS ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng và hồ sơ kèm theo Văn bản số 86/CV-BVPS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-STNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện tại số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng (phạm vi không bao gồm Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm khám chữa bệnh, dịch vụ kỹ thuật cao), với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1.3. Quyết định số 105/QĐ-VX ngày 31 tháng 01 năm 1978 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng; Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2012 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Sơ sinh thuộc Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

1.4. Mã số thuế: 0200912412.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám chữa bệnh chuyên khoa sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 8.175,0 m².

- Quy mô: cơ sở tương đương Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô giường bệnh: 450 giường bệnh.

- Các hạng mục công trình hiện hữu: Trung tâm sơ sinh (tòa nhà 9 tầng): 842,4 m²; Khoa sản (tòa nhà 5 tầng): 1.241,6 m²; Công trình phụ trợ (tòa nhà giám đốc 3 tầng, nhà 2 tầng vật tư y tế + kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa dinh dưỡng + căng tin, khu nôi hơi + nhà giặt đồ, khu xét nghiệm, phòng trực bác sỹ): 1.188,5 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến ngày 29 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Công Thông tin điện tử TP;
- UBND quận Hồng Bàng;
- CV: MT, QH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~795~~ /GPMТ-UBND ngày ~~29~~ tháng ~~3~~ năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh;
- Nguồn số 02: nước thải từ khu vực giặt đồ, bồn rửa mặt, nước thoát sàn của bệnh viện;
- Nguồn số 03: nước thải nhà bếp từ căng tin của bệnh viện;
- Nguồn số 04: nước thải từ khu phòng mổ của bệnh viện;
- Nguồn số 05: nước xả đáy nồi hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải 400 m³/ngày đêm xả ra hệ thống thoát nước chung khu vực nằm trên đường Trần Quang Khải, thuộc địa bàn phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng; sau đó chảy ra sông Tam Bạc.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung khu vực nằm trên đường Trần Quang Khải, thuộc địa bàn phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2307715.148$; $Y(m) = 596903.456$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải bảo đảm có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 400 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng hoạt động độ phóng xạ α	mg/l	0,1		
11	Tổng hoạt động độ phóng xạ β	mg/l	1		
12	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	5.000		
13	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01, 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nước thải y tế từ các khoa phòng được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đặt ngầm dưới các công trình, sân đường (số lượng: 07 bể tự hoại, dung tích khoảng 111,4 m³), sau

đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải qua hệ thống thoát nước chung (đường ống nhựa PVC D160, D180 và D250).

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực giặt đồ, bồn rửa mặt, nước thoát sàn được thu gom vào hệ thống thoát nước chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải nhà bếp từ cống tin được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ (số lượng: 01 bể, dung tích khoảng 2 m³), sau đó chảy qua ống uPVC D110 vào hệ thống thoát nước chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Nước xả đáy nồi hơi được dẫn ra hố ga lắng cặn, chảy vào hệ thống thoát nước chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải → Hố ga tách rác, tách dầu → Bể thu gom → Bể xử lý bậc 1 (yếm khí) → Bể xử lý bậc 2 (hiếu khí) → Bể chứa thiết bị vi sinh → Bể lắng → Bể khử trùng → Cống thoát nước chung khu vực → sông Tam Bạc.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước Javen, Clo dạng viên nén, men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp xảy ra sự cố, hệ thống xử lý nước phải ngừng hoạt động, Chủ cơ sở phải lưu giữ nước thải trong các bể của hệ thống xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo quy định, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn, điều chỉnh lần thứ nhất) số 3362/GP-UBND ngày 22/11/2021, do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **795** /GPMT-UBND ngày **29** tháng **3**, năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nồi hơi đốt than số 1 (nồi hơi mới);
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nồi hơi đốt than số 2 (nồi hơi cũ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- 01 Dòng khí thải (tương ứng với nguồn số 01 và 02): ống thoát khí sau các thiết bị lọc bụi khô của nồi hơi. Tọa độ vị trí điểm xả khí thải: $X(m) = 2307675.093$; $Y(m) = 596962.757$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng tại số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $990 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí, xả gián đoạn 11/24 giờ (khoảng thời gian từ 6 giờ đến 17 giờ hàng ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $K_p = 1$ và $K_v = 0,6$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	120	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	600		

3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nồi hơi đốt than mới được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc bụi Cyclone số 01 để xử lý.

- Nguồn số 02: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nồi hơi đốt than cũ được thu gom bằng đường ống về thiết bị lọc bụi Cyclone số 02 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Thiết bị lọc bụi số 1, số 2 được lắp đặt đồng bộ với nồi hơi, có quy trình công nghệ tương tự nhau, khí thải sau 02 hệ thống được thoát ra ngoài môi trường thông qua 01 ống khói (hai nồi hơi hoạt động luân phiên, không hoạt động đồng thời).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thu gom → Tháp lọc bụi Cyclone → Ống khói (cao 12m).

- Công suất thiết kế: 990 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng bắt buộc quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý chất thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, vệ sinh tháp lọc bụi, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của thiết bị.

- Khi xảy ra sự cố không vận hành được hệ thống xử lý khí thải, phải dừng hoạt động của nồi hơi cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải nồi hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí trên ống khói chung của 02 hệ thống xử lý khí thải nồi hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải tương ứng theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý khí thải không đáp ứng yêu cầu, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý khí thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo

Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nồi hơi.
- Nguồn số 02: Khu giặt.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 04: Khu vực thiết bị thổi khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2307676.009; Y(m) = 596965.157.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2307672.633; Y(m) = 596955.811.
- Nguồn số 03: Tọa độ X(m) = 2307689.921; Y(m) = 596977.565.
- Nguồn số 04: Tọa độ X(m) = 2307689.077; Y(m) = 596927.616.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 6 giờ đến 21 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung các máy móc, thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~195~~ /GPMT-UBND ngày ~~23~~ tháng ~~3~~.. năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

T T	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải lây nhiễm			55.237	
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	5.826	NH
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn			17.690	
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao			22.556	
4	Chất thải giải phẫu			9.165	
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			71	
1	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	Rắn/ lỏng	13 01 03	39	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	32	NH
Tổng				55.308	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế phát sinh: túi nilon, thức phẩm thừa, vỏ trái cây,...; khối lượng phát sinh khoảng 231.000 – 235.200 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: vỏ chai nhựa các loại, bìa carton, thủy tinh...; khối lượng phát sinh khoảng 8.193 - 9.863 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải khác:

- Xi lò phát sinh từ hoạt động nôi hơi; khối lượng phát sinh khoảng 42.390-49.470 kg/năm.

- Bùn thải từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: 14,7 m³/2 năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

Bố trí nhà chứa chất thải diện tích 58 m² tại tầng trệt của Trung tâm sơ sinh, chia thành 05 kho chứa. Nền kho, tường bên trong kho lát gạch chống thấm, cao độ nền kho cao hơn cao độ nền sân 15 cm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập. Nhà chứa chất thải được ngăn cách thành các kho riêng biệt bởi vách ngăn được làm bằng vật liệu chống cháy, có bố trí thiết bị PCCC cầm tay. Cụ thể:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng nhựa màu vàng có nắp đậy, dung tích 240 lít chứa chất thải lây nhiễm và tủ cấp đông để chứa chất thải giải phẫu.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm, diện tích khoảng 10m².

+ Kho lạnh chứa chất thải giải phẫu, diện tích khoảng 6m².

- Hiện Bệnh viện phụ sản Hải Phòng đang ký Hợp đồng số 01/22/HĐ-RYT ngày 31/12/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại và Hợp đồng số 411/21/HĐ-RYT ngày 02/02/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế phát sinh trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa màu đen có nắp đậy, dung tích 40-240 lít/thùng.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 4m².

- Hiện Bệnh viện phụ sản Hải Phòng đang ký Hợp đồng số 01-2022/HĐ-VCXLCTNH/TTP-PS ngày 21/01/2022 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.3.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải màu xanh, có nắp đậy, dung tích 20-120 lít, đặt tại các vị trí phát sinh. Bố trí 8 xe thu gom rác lưu động XG5.03 lật đổ, loại 500 lít cho tổ vệ sinh môi trường để thu gom và lưu giữ rác.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 15,4 m².

- Hiện Bệnh viện phụ sản Hải Phòng đang ký Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 100HB1-0822/HĐ-DV ngày 01/8/2022 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng.

2.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải, đặt tại vị trí phát sinh.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 6,9 m².

- Hiện Bệnh viện phụ sản Hải Phòng đang ký Hợp đồng nguyên tắc số 12-2022/PS-BT ngày 04/7/2022 và 0107/2022/PS-BT với Công ty TNHH Đầu tư thương mại Bình Thủy về việc bán phế liệu tái sử dụng tại bệnh viện (nhựa PP, nhựa PE, nhựa PH, bìa carton, thủy tinh).

2.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường khác

- Kho/khu vực lưu chứa: Xi lò chứa và lưu giữ tại khu vực diện tích 6m².

- Hiện Bệnh viện phụ sản Hải Phòng đang Ký hợp đồng số 01-2022/HĐ-VCXLCT/TTP-PS ngày 21/01/2022 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường (xi lò hơi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải).

2.4. Bệnh viện phụ sản có trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải phát sinh, lưu giữ chứng từ chuyển giao chất thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~195~~ GPMT-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/BYT ngày 26/11/2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm khám chữa bệnh, dịch vụ kỹ thuật cao trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định.

6. Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng trả kinh phí thực hiện quan trắc đối chứng trong quá trình vận hành thử nghiệm./.